

Bản án số: 210/2019/HS-PT
Ngày: 27- 8- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Ông Lê Thành Tôn.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Vũ Tràng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 156/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê T, sinh năm 1996 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú (HKTT): Ấp X, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê P, sinh năm 1965 (sống) và bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1967 (còn sống); Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Từ ngày 11- 01- 2019; tạm giam: Từ ngày 20- 01- 2019. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Tuấn An có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10- 01- 2019, Lê T ngụ ấp X, xã S, huyện L, Đồng Tháp điện thoại cho bạn là Nguyễn A cư trú tại ấp Mỹ Tây X, xã Q, huyện M, Đồng Tháp mục đích để rủ A đi mua ma túy đá về sử dụng chung, nhưng A không nghe điện thoại. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, A gọi điện thoại lại cho T nhưng không để T bắt máy mà tắt máy ngay sau khi đổ chuông. T điện thoại lại rủ A đi mua ma túy về sử dụng thì A đồng ý. T điện thoại cho người tên Đ1 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) hỏi mua tép ma túy giá 500.000 đồng thì Đ1 đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại khu vực gần cầu Kênh 9000 thuộc địa phận xã H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. A điều khiển xe gắn máy biển số 66PA-032.20 đến nhà rước T rồi giao xe cho T điều khiển chở A đi đến địa phận xã H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

T điều khiển xe chở A vừa qua khỏi cầu Kênh 9000 thì dừng xe đợi Đ1, lúc này là khoảng 00 giờ ngày 11- 01- 2019. Đợi khoảng 10 phút thì Đ1 từ hướng chợ xã H điều khiển xe mô tô đến và dừng cạnh xe của A. T xuống xe giao cho Đ1 500.000 đồng và nhận một tép ma túy từ Đ1, T quay lại xe đưa tép ma túy cho A cất giữ rồi điều khiển xe chở A đi về. Khi T điều khiển xe trên tuyến đường nông thôn đoạn thuộc ấp X, xã Đ2, huyện M, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng tuần tra Công an huyện T ra tín hiệu dừng xe. A sợ bị phát hiện nên cầm tép ma túy ném xuống lề đường, T điều khiển xe tiếp tục di chuyển được khoảng 5,2m rồi dừng hẳn. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện một túi ny-lon được hàn kín, bên trong có một túi ny-lon màu trắng hàn kín dạng nắp kẹp một đầu, có viền xanh, bên trong có nhiều tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp) ở mép đường bên phải theo hướng di chuyển của xe các bị cáo. Cả T và A đều thừa nhận đó là tép ma túy mới mua của Đ1 ở khu vực cầu Kênh 9000 đem về để sử dụng. Lực lượng tuần tra tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra bị cáo T khai: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10- 01- 2019, bị cáo có đến nhà của Trần P1 (tên gọi khác là Phú Cầu) ở ấp X, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Tháp sử dụng ma túy chung với P1, H1 và T1 (H1 và T, T không xác định được họ tên cụ thể và nơi cư trú). Sau khi sử dụng xong, H1 đưa cho bị cáo 500.000 đồng, P1 đưa cho bị cáo sim điện thoại bên trong có số của Đ1 để T liên hệ với Đ1 mua ma túy về tiếp tục sử dụng. Do bản thân bị cáo không có xe nên đã điện thoại rủ A cùng tham gia và bị bắt như đã nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra thì P1 không thừa nhận việc có sử dụng chung ma túy với Tuấn và kêu T đi mua ma túy của Đ1.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi ny-lon được hàn kín, bên trong có một túi ny-lon màu trắng hàn kín dạng nắp kẹp một đầu, có viền xanh, bên trong có nhiều tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp) được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu A1.

- Thu trên người của bị cáo T số tiền Việt Nam 700.000 đồng, một điện thoại di động nhãn hiệu NEOSON màu trắng đã qua sử dụng.

- Thu trên người của bị cáo A một điện thoại di động hiệu BUK màu xanh đã qua sử dụng.

- Một xe gắn máy biển số 66PA- 032.20 của bị cáo An.

Tại Kết luận giám định số 52/KL- KTHS ngày 14- 01- 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắn chứa trong một túi ny-lon được hàn kín, bên trong có một túi ny-lon màu trắng hàn kín dạng nắp kẹp một đầu, có viên xanh được niêm phong trong phong bì ghi ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,914 gam, loại Methamphetamine. Hoàn trả mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định có khối lượng 0,832 gam.

Trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với lời khai của bị cáo T về việc H1 đưa tiền, P1 kêu liên hệ với Đ1 để mua ma túy về sử dụng chung thì chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo T nên không có cơ sở để xác định vai trò đồng phạm của P1 và H1 trong vụ án này.

Tại Bản án số 13/2019/HS- ST ngày 24- 5- 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê T và Nguyễn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Lê T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 11- 01- 2019.

Bị cáo Nguyễn A 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 11- 01- 2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, bị cáo Lê T và bị cáo Nguyễn A cùng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 24- 6- 2019, bị cáo Nguyễn A có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo khẳng định việc Bản án sơ thẩm kết án bị cáo tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo nêu các cơ sở để xin giảm nhẹ hình phạt là bị cáo đang bị thương ở con mắt bên phải với tỷ lệ tổn thương là 41%, do trước khi phạm tội bị cáo bị người khác dùng nạn thun (ná) bắn vào mắt; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo được chính quyền địa phương cấp sổ; bị cáo có ông nội tên Lê M1 có công với cách mạng có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Lê T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có nêu các tình tiết để xin giảm nhẹ nhưng xét thấy các tình tiết này không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo Lê T không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS- ST ngày 24- 5- 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo Lê T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khẳng định khi giải quyết vụ án từ Tòa án cấp sơ thẩm đến Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không yêu cầu người bào chữa, cũng như không yêu cầu Trung tâm Trợ giúp pháp lý cử người bào chữa cho bị cáo, bị cáo tự bào chữa cho hành vi của bị cáo. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Xét thấy tại phiên tòa bị cáo thừa nhận khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10- 01- 2019, bị cáo rủ Nguyễn A cùng đi mua ma túy về sử dụng và Nguyễn A đồng ý. Bị cáo mua ma túy của một người tên Đ1 (bị cáo không biết rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể của người này) 01 tép ma túy với giá 500.000 đồng, địa điểm giao dịch gần khu vực Kênh 9000 thuộc địa phận xã H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi mua được ma túy, bị cáo điều khiển xe chở A ngồi phía sau và giao cho A cầm tép ma túy. Trên đường về đến tuyến đường nông thôn thuộc ấp X, xã Đ2, huyện M thì cả hai bị Công an huyện M yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra. Nguyễn A sợ bị phát hiện nên ném bịch ma túy xuống đường, nhưng lực lượng Công an đã thu giữ được và tiến hành các thủ tục xử lý bị cáo. Bị cáo thống nhất với kết luận giám định khối lượng ma túy là 0,914 gam, loại Methamphetamine. Xét thấy lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa là thành khẩn, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, xét xử ở Tòa án cấp sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên việc kết án bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[4] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo bị thương tại con mắt bên phải với tỷ lệ tổn thương là 41%, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, Hội đồng xét xử xét thấy các nội dung này không phải là tình tiết giảm nhẹ trong vụ án nên không chấp nhận. Bị cáo và gia đình có cung cấp xác nhận của Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tài liệu chứng minh ông Lê M1 là ông nội của bị cáo có công với cách mạng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chấp nhận. Mặt khác, xét thấy mức án 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có phần nghiêm khắc nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ về phần hình phạt.

[5] Xét thấy bị cáo Lê T thuộc hộ cận nghèo nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, do đó sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[6] Xét phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có một phần cơ sở chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của bị cáo Lê T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Lê T.

Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS- ST ngày 24- 5- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt tù đối với bị cáo Lê T và sửa án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê T.

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê T 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày tạm giữ bị cáo (ngày 11- 01- 2019).

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê T.

Bị cáo Lê T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện M;
- CQCSĐT Công an huyện M;
- UBND xã Ba Sao, huyện L;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh